TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17/9/2021.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được.

Ông Kim Na Rinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11/6/2021, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HN, ngày 09 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/QĐST-HN, ngày 20/7/2021 và Thông báo mở phiên tòa xét xử số: 02/TB-TA, ngày 01/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp G, xã H Tây, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Lê Thành Đ trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị O xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2004 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng

ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, anh và chị O quen nhau khoảng 03 tháng, có làm lễ cưới theo phong tục tập quán, nữ trang ngày cưới đã bán hết không còn.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vào khoảng tháng 6 năm 2018, Lê Thị Thu Y (*con của anh*) hỏi đi nhà dì ruột chị O ở tỉnh B chơi, khoảng 01 tháng sau chị O nói đi rước con về, lúc này anh đi làm hồ không có ở nhà, chị O cùng con tên Lê Thị Yến T lấy quần áo hết đi khỏi nhà đến nay, không báo anh biết, cũng không điện về, anh điện thoại thì chị O không nghe máy nên không biết địa chỉ ở đâu để đi tìm, khoảng 01 năm sau, chị O nhắn tin kêu anh lấy vợ khác chị không về, còn 02 con cũng không về, anh không biết chỗ ở nên không đi thăm được. Quá trình sống chung anh không có đánh đập, xua đuổi vợ con, không có gây bạo lực gia đình, vợ con bỏ đi anh không rõ nguyên nhân. Vợ chồng ly thân nhau đã 03 năm nên tình cảm không còn. Nay anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị O.

- *Về nuôi con tên:* Lê Thị Thu Y, sinh ngày 01/10/2005 và Lê Thị Yến T, sinh ngày 09/6/2009, hiện 02 con đang sống với mẹ. Anh giao 02 con cho chị O được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Anh không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị O vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn với chị O, giao 02 con tên Lê Thị Thu Y, sinh ngày 01/10/2005 và Lê Thị Yến T, sinh ngày 09/6/2009 cho chị O nuôi dưỡng khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm buộc anh Đ nộp 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị O là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa lần thứ nhất, chị O vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy anh Đ khởi kiện chị O yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị O, về nuôi con anh giao 02 con cho chị O nuôi dưỡng, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy anh Đ và chị O xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2004 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Anh Đ khai: Vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2018, con anh tên Lê Thị Thu Y hỏi đi nhà dì ruột của chị O ở tỉnh B chơi, khoảng 01 tháng sau chị O nói đi rước con về, lúc đó anh đi làm hồ không có nhà, chị O cùng con tên Lê Thị Yến T lấy quần áo đi khỏi nhà đến nay, không báo cho anh biết, cũng không điện về, anh điện thoại thì chị O không nghe máy nên không biết địa chỉ để đi tìm, khoảng 01 năm sau chị O nhắn tin kêu anh lấy vợ khác, còn 02 con cũng không về nên không biết chỗ ở để đi thăm. Quá trình sống chung anh không có đánh đập, xua đuổi vợ con, không có gây bạo lực gia đình, vợ con bỏ đi anh không rõ nguyên nhân. Vợ chồng ly thân hơn 03 năm nên tình cảm không còn. Nay anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị O.

Tại phiên tòa chị O vắng mặt, tại bản tự khai đề ngày 19/6/2021 chị O khai: Vợ chồng sống đến tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn về lối sống, ứng xử giao tiếp, tình cảm vợ chồng, khi chị làm dâu gia đình bên chồng khó khăn quá nên không sống được, vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm, chấm dứt mọi liên lạc với nhau nên tình cảm không còn và chị đồng ý ly hôn với anh Đ.

Xét thấy khi mâu thuẫn xảy ra từ năm 2018 đến nay, anh Đ và chị O đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, ly thân nhau hơn 03 năm, anh chị không gặp nhau, chấm dứt mọi liên lạc, tại các bản khai anh Đ và chị O đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị O là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn với chị O là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về nuôi con:* Xét thấy anh Đ và chị O chung sống sinh 02 người con tên Lê Thị Thu Y, sinh ngày 01/10/2005 và Lê Thị Yến Th, sinh ngày 09/6/2009. Trong thời gian ly thân, chị O nuôi dưỡng, chăm sóc các con chu đáo về mọi mặt, tại bản khai 02 con đều có nguyện vọng được sống với chị O. Tại phiên tòa anh Đ tự nguyện giao 02 con cho chị O nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến của các con và ý

kiến của chị O xin được quyền nuôi dưỡng 02 con khi ly hôn. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con cho chị O được quyền chăm sóc nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Quá trình giải quyết vụ án anh Đ và chị O không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân: Buộc anh Lê Thanh Đ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Thanh Đ.

- *Về hôn nhân:* Xử cho anh Lê Thanh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị O.

- *Về nuôi con:*

+ Chị Nguyễn Thị O được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con tên Lê Thị Thu Y, sinh ngày 01/10/2005 và Lê Thị Yến T, sinh ngày 09/6/2009, khi ly hôn.

+ Anh Lê Thanh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc anh Lê Thanh Đ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004475, ngày 03/6/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Anh Lê Thanh Đ đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Anh Lê Thanh Đ có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Chị Nguyễn Thị O vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.